

Các giải pháp huy động nguồn lực thực hiện chính sách xã hội

PGS.TS. VŨ VĂN HÀ

Trường Đại học Đại Nam

● NGÀY NHẬN BÀI: 15/10/2023 ● NGÀY PHẢN BIỆN: 20/10/2023

● NGÀY DUYỆT ĐĂNG: 05/12/2023

Tóm tắt: Để hiện thực hóa các mục tiêu chính sách xã hội cần phải huy động, bảo đảm các nguồn lực. Tuy nhiên, việc huy động các nguồn lực phụ thuộc nhiều yếu tố, trước hết là khả năng bảo đảm của nền kinh tế, quan điểm, cơ chế chính sách và các giải pháp thực thi cụ thể. Bài viết này trên cơ sở khảo cứu kết quả, hạn chế trong huy động nguồn lực cho chính sách xã hội, phân tích những thách thức đặt ra, đề xuất một số quan điểm và giải pháp cơ bản hướng đến gia tăng hợp lý nguồn lực cho thực hiện các mục tiêu chính sách xã hội trong thời gian tới với phương châm tăng trưởng kinh tế đi liền với tiến bộ và công bằng xã hội.

Từ khóa: Chính sách xã hội, nguồn lực phát triển, Việt Nam.

1. HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH XÃ HỘI: KẾT QUẢ VÀ HẠN CHẾ

Chính sách xã hội có vai trò đặc biệt quan trọng, trực tiếp giải quyết các vấn đề xã hội, tạo động lực góp phần thúc đẩy kinh tế phát triển nhanh và bền vững. Mục tiêu cơ bản của chính sách xã hội là bảo đảm ổn định xã hội, tạo điều kiện cho sự tăng trưởng và phát triển, hướng tới sự công bằng, tiến bộ xã hội, không ngừng cải thiện, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và cuộc sống tốt đẹp, bình đẳng, hạnh phúc của nhân dân. Chính sách xã hội bao trùm trên mọi mặt của đời sống con người, như: điều kiện lao động, sinh hoạt, giáo dục, văn hóa, chăm sóc sức khỏe... và luôn gắn chặt,

phụ thuộc rất lớn vào quá trình phát triển kinh tế, bản chất chính trị - xã hội của mỗi quốc gia, dân tộc. Sau gần 4 thập niên đổi mới, nhất là từ khi thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa XI về một số vấn đề chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020, các vấn đề xã hội được giải quyết ngày càng tốt hơn, đã góp phần cải thiện đời sống của các đối tượng chính sách xã hội, gia tăng sự đồng thuận và ổn định xã hội, tạo môi trường và động lực cho phát triển kinh tế.

Trong quá trình giải quyết các vấn đề xã hội, Đảng, Nhà nước ta luôn chủ trương: “Tăng trưởng kinh tế phải gắn với tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và trong suốt quá trình phát triển” và “Các vấn đề chính sách xã hội đều phải

giải quyết theo tinh thần xã hội hóa. Nhà nước giữ vai trò nòng cốt, đồng thời động viên mỗi người dân, các doanh nghiệp, các tổ chức trong xã hội, các cá nhân và tổ chức nước ngoài cùng tham gia giải quyết những vấn đề xã hội”. Văn kiện Đại hội XIII tiếp tục nhấn mạnh: “Đổi mới cơ chế, huy động, phân bổ và đa dạng hoá các nguồn lực thực hiện chính sách xã hội phù hợp với nhu cầu, lợi ích của các tầng lớp dân cư, nhóm xã hội, bảo đảm bình đẳng về cơ hội phát triển, nhất là với lao động khu vực phi chính thức”. Quan điểm này đã được quán triệt sâu rộng, triển khai khá hiệu quả trong những năm đổi mới vừa qua. Gần đây, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 93/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 10 năm 2021 về vận động, tiếp nhận, phân phối và sử dụng các nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai, dịch bệnh, sự cố; hỗ trợ bệnh nhân mắc bệnh hiểm nghèo làm rõ hơn cơ sở pháp lý cho các chủ thể tham gia đóng góp nguồn lực. Và Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/1/2022, phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, về nội dung huy động vốn đã nêu rõ, ngân sách nhà nước giữ vai trò dẫn dắt, tạo động lực, đồng thời huy động tối đa các nguồn lực xã hội thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững; bố trí vốn đối ứng từ ngân sách địa phương hợp lý, phù hợp với tình hình thực tế và tăng cường các nguồn huy động, đóng góp hợp pháp của doanh nghiệp, nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; vốn đối ứng, tham gia, đóng góp của người dân, đối tượng thụ hưởng. Bảo đảm cân đối, bố trí, huy động đầy đủ, kịp thời theo đúng cơ cấu nguồn vốn đã được quyết định. Đặc biệt, ngày 19/4/2022 Chính phủ ban hành Nghị định 27/2022/NĐ-CP quy

định cơ chế quản lý, huy động các nguồn lực từ ngân sách, nguồn vốn tín dụng, nguồn vốn từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân để thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

Với những quy định trên đã góp phần thúc đẩy huy động nguồn lực cho thực hiện chính sách xã hội trong những năm qua liên tục gia tăng về khối lượng, đa dạng về hình thức và hiệu quả không ngừng được nâng cao. Các nguồn lực huy động được thực hiện từ ngân sách, vốn tín dụng qua ngân hàng, chủ yếu ngân hàng chính sách xã hội, vốn từ doanh nghiệp và cộng đồng. Ngoài ra, nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức, nguồn vốn vay ưu đãi cũng được quan tâm huy động, nhất là trong thực hiện an sinh xã hội. Các nguồn lực huy động dưới dạng vốn, tiền mặt, hiện vật, ngày công...và quan trọng hơn là nguồn lực tinh thần, sự đồng thuận, chia sẻ của các cấp, các ngành và doanh nghiệp cùng người dân.

Theo báo cáo của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, nguồn ngân sách cấp thực hiện chính sách ưu đãi người có công luôn được bảo đảm kịp thời, đầy đủ. Riêng giai đoạn 2012-2022 NSNN cấp 340.165 tỷ đồng, nguồn xã hội hoá qua Quỹ Đền ơn đáp nghĩa đạt gần 7.370 tỷ đồng. Đối với nguồn lực bảo đảm an sinh xã hội, NSNN bố trí tăng đều qua các năm, tính chung giai đoạn 2012-2022 đạt khoảng 1.770.778 tỷ đồng; vốn thực hiện qua Ngân hàng chính sách xã hội (huy động từ các chủ thể) tính đến 30/11/2022, tổng nguồn vốn tín dụng chính sách xã hội đạt gần 298.000 tỷ đồng, tăng gần 291.000 tỷ đồng (gấp 41,9 lần) so với năm 2002, tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm đạt 21,4%. Vốn tín dụng chính sách xã hội đã được đầu tư đến 100%

xã, phường, thị trấn trên cả nước, trong đó tập trung ưu tiên đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, huyện đảo, xã đảo, vùng bãi ngang ven biển. Nguồn lực huy động xã hội hoá từ 2012 đến 2021 qua Mặt trận Tổ quốc Việt Nam từ các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đạt 57.318 tỷ đồng. Như vậy có thể khẳng định kết quả đầu tư của Nhà nước cho an sinh xã hội ngày càng tăng. Theo thống kê của Bộ Tài chính, về chi cho an sinh xã hội, nếu như năm 2012, tổng chi cho an sinh xã hội bằng 5,88% GDP thì đến năm 2015 con số này tăng lên trên 6,6% GDP và 2017 gần 8,58% GDP. Mặc dù trong điều kiện kinh tế khó khăn, nhưng chính sách và các khoản chi dành cho lĩnh vực này không bị cắt giảm; các chính sách xã hội được thực hiện hiệu quả. Với việc huy động nguồn lực như vậy, đã bảo đảm thực hiện tốt các mục tiêu chính sách xã hội. Trong tổng số 26 chỉ tiêu trong chính sách xã hội của Nghị quyết Trung ương 5 khoá XI đặt ra, có 21 chỉ tiêu hoàn thành và hoàn thành vượt mức, chiếm trên 80%. Thành tựu nổi bật được thế giới đánh giá cao là vượt Mục tiêu thiên niên kỷ của Liên hợp quốc mà Việt Nam đã cam kết. Về chất lượng, hệ thống chính sách xã hội đã cơ bản bảo đảm công bằng, tiệm cận các tiêu chuẩn quốc tế, bảo đảm cơ bản quyền an sinh của người dân, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, ổn định chính trị và trật tự, an toàn xã hội.

Bên cạnh những kết quả chủ yếu trên, việc huy động các nguồn lực thực hiện chính sách xã hội cũng còn hạn chế nhất định. *Một là*, nguồn lực huy động cho chính sách xã hội so với yêu cầu còn hạn chế, chưa chủ động. Bên cạnh việc tăng

nguồn của Trung ương phụ thuộc vào kết quả phát triển kinh tế, việc huy động được các nguồn vốn sẵn có của từng địa phương còn ít, quan điểm trông chờ ỷ lại vào nguồn vốn ngân sách vẫn còn tồn tại. Đáng chú ý trong các chương trình dự án về giảm nghèo và xây dựng nông thôn mới, mục tiêu đặt ra đôi khi cao hơn so với khả năng huy động nguồn lực, nên gặp khó khăn trong thực hiện. Mức chi trung bình hằng năm của các nước trên thế giới cho an sinh xã hội là 12,8% GDP chưa bao gồm y tế, thì mức của Việt Nam vẫn còn dưới 10%.

Hai là, một số chính sách xã hội còn chông chéo về đối tượng và địa bàn, nên việc thực hiện phân bổ, sử dụng nguồn lực chưa thực sự hiệu quả, làm ảnh hưởng đến hoạt động huy động nguồn lực. Các trụ cột chính sách xã hội được thiết kế và triển khai thực hiện hầu hết theo ngành dọc, chưa phân định rõ chức năng quản lý nhà nước và chức năng cung cấp dịch vụ; thiếu cơ chế, chính sách khuyến khích khu vực ngoài nhà nước tham gia vào cung cấp dịch vụ công, ảnh hưởng không nhỏ đến huy động nguồn lực.

Ba là, cơ chế, chính sách huy động nguồn lực nói chung và cho thực hiện các mục tiêu chính sách xã hội chưa thực sự hiệu quả. Một trong bước tiến trong nhận thức và cơ chế thực hiện chính sách xã hội là phải có sự gắn kết, phối hợp giữa nhà nước, thị trường và xã hội, tuy nhiên, thực tế khi giải quyết các vấn đề xã hội vẫn phụ thuộc rất lớn vào nguồn lực nhà nước; chưa tạo được cơ chế hiệu quả động viên, thu hút được nhiều sự tham gia của doanh nghiệp và xã hội. Việc huy động và liên kết các nguồn lực của chính sách xã hội, an sinh xã hội, phúc lợi xã hội và nguồn lực xã hội hóa để đáp

ứng một cách linh hoạt, kịp thời, hiệu quả nhu cầu bảo đảm an sinh xã hội của người dân còn nhiều bất cập; chưa có cơ chế điều phối linh hoạt để thích ứng với các biến động lớn như dịch bệnh, thiên tai trên diện rộng; thậm chí trái lại, còn nảy sinh hiện tượng tiêu cực, làm thất thoát nguồn lực.

Bốn là, vẫn còn tâm lý ưu tiên nguồn vốn cho sản xuất, chưa đặt chính sách xã hội thực sự ngang hàng với chính sách kinh tế. Thực tế đầu tư cho phát triển kinh tế với đầu tư cho lĩnh vực xã hội còn có sự khác biệt, trong khi nguồn vốn đầu tư cho tăng trưởng luôn tăng thì đầu tư cho các lĩnh vực xã hội mặc dù có tăng, song chưa thực sự quan tâm đúng mức. Chẳng hạn, trong giai đoạn 2008-2018, tỷ trọng đầu tư y tế trong tổng mức đầu tư của nhà nước có xu hướng giảm dần, ngân sách bố trí cho các chính sách/chương trình trợ giúp xã hội thường xuyên bình quân hằng năm mới khoảng 0,5% GDP (ở các nước tỷ lệ này thường trên 3% GDP). Đầu tư cho giáo dục tuy có tăng nhưng vẫn chưa đạt mức 20% NSNN theo Luật Giáo dục, nguồn lực đầu tư cho dân số, kế hoạch hóa gia đình còn thấp, chưa tương xứng với yêu cầu, mức đầu tư cho văn hóa chỉ đạt 50% mức chỉ tiêu đặt ra cả ở cấp Trung ương và địa phương ... Ngay trong triển khai các chương trình dự án cũng chưa thực sự gắn nguồn lực cho hoạt động sản xuất kinh doanh với nguồn lực cho các chính sách xã hội trong quá trình huy động và giải ngân, dẫn đến không phát huy hiệu quả của các nguồn lực đầu tư, thậm chí gây lãng phí, nhất là với các công trình dự án thiếu hạ tầng xã hội.

2. BỐI CẢNH MỚI VÀ VẤN ĐỀ ĐẶT RA VỚI HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

Thứ nhất, sau gần 4 thập niên thực hiện đường lối đổi mới, kinh tế-xã hội có bước phát triển mạnh, góp phần tạo dựng cơ đồ và vị thế mới của Việt Nam trên trường quốc tế. Việt Nam là nước đang phát triển có thu nhập theo đầu người ở mức trung bình của thế giới. Sự phát triển mạnh về kinh tế đã đưa lại cho Việt Nam có điều kiện hơn cho giải quyết các vấn đề xã hội; song với mức sống được nâng lên, nhu cầu của người dân cũng có thay đổi theo hướng đòi hỏi chất lượng hơn trong đời sống vật chất và tinh thần cũng như môi trường sống. Do vậy, yêu cầu nguồn lực cho thực hiện các nhu cầu xã hội cũng gia tăng. Bên cạnh đó, chính sự phát triển của sản xuất và tiêu dùng gia tăng cũng đặt ra vấn đề môi trường, cả môi trường tự nhiên và môi trường nhân văn. Tình trạng ô nhiễm có xu hướng gia tăng ở nhiều nơi đòi hỏi có nguồn lực xử lý. Bối cảnh này đặt ra yêu cầu phải nuôi dưỡng nguồn lực và gia tăng huy động nguồn lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế và bảo đảm giải quyết tốt các vấn đề xã hội.

Thứ hai, quá trình phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghệ lần thứ tư đưa lại năng suất lao động tăng, cải thiện đời sống người dân. Song chính mặt trái của cơ chế thị trường cũng làm nảy sinh không ít hệ lụy trong phát triển như tình trạng phá sản, thất nghiệp, gây khó khăn cho người lao động, nhất là với những người yếu thế, đòi hỏi nhà nước với chức năng, vai trò của mình, cần có những chính sách khắc phục những khiếm khuyết của thị trường. Bên cạnh đó tình trạng lợi dụng khoa học công nghệ cũng làm nảy sinh không ít tiêu cực: tin giả, lừa đảo qua mạng...là những vấn đề xã hội cần được

quan tâm giải quyết. Rõ ràng là cần có hệ thống an sinh xã hội phù hợp với nguồn lực tương thích để bảo đảm mọi người dân đều được hưởng thành quả tăng trưởng, không ai bị bỏ lại phía sau.

Thứ ba, Việt Nam đang bước vào thời kỳ già hoá dân số, nhiều vấn đề xã hội mới gắn liền với người cao tuổi xuất hiện, nhất là các chi phí y tế, an sinh xã hội. Cùng với đó sự biến đổi khó lường của môi trường an ninh khu vực và toàn cầu, kể cả tác động của cạnh tranh kinh tế, xung đột truyền thống và các vấn đề an ninh phi truyền thống cũng đặt ra hàng loạt vấn đề với sự phát triển của mỗi quốc gia cũng như cuộc sống của người dân. Những vấn đề này cũng đòi hỏi nguồn lực không nhỏ để giải quyết gắn liền với bảo đảm nguồn lực cho phát triển kinh tế.

3. CÁC GIẢI PHÁP CƠ BẢN HƯỚNG ĐẾN GIA TĂNG HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

Để gia tăng nguồn lực thực hiện các mục tiêu chính sách xã hội cần có hệ giải pháp đồng bộ, trong đó, trước mắt cần tập trung vào một số giải pháp cơ bản sau:

Một là: cần đẩy mạnh tuyên truyền về vị trí vai trò của chính sách xã hội cũng như việc huy động nguồn lực cho hiện thực hoá các mục tiêu chính sách xã hội; thực sự coi trọng và đặt ngang hàng với chính sách kinh tế. Nâng cao nhận thức của các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và cán bộ, đảng viên về trách nhiệm thực hiện chính sách xã hội; xác định rõ chính sách xã hội chăm lo tốt cho người dân là nhiệm vụ chiến lược, là trách nhiệm thường xuyên phải thực hiện; đặt con người vào trung tâm chính sách; phát triển kinh tế phải gắn liền với phát triển,

bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội; phát huy truyền thống văn hóa tốt đẹp, đoàn kết, “tương thân, tương ái” của dân tộc. Đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền không chỉ về thực thi chính sách xã hội mà còn làm rõ cơ chế, cách thức huy động và đóng góp cho các tổ chức, cá nhân thuận lợi tham gia.

Hai là, cải thiện môi trường đầu tư và kinh doanh để tạo môi trường thuận lợi nhất cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, từ đó mở rộng khả năng gia tăng nguồn lực cho thực hiện các mục tiêu xã hội. Đây chính là giải pháp tạo và nuôi dưỡng nguồn lực. Sự phát triển kinh tế chính là cơ sở vật chất cho gia tăng các nguồn lực thực hiện chính sách xã hội. Trong các yếu tố của môi trường đầu tư, cần chú trọng nâng cao hiệu lực, hiệu quả của bộ máy nhà nước, tinh giản biên chế để giảm gánh nặng tài chính cho xã hội. Chú ý hoàn thiện hệ thống chính sách thu đi đôi với cơ cấu lại thu ngân sách nhà nước, hướng đến xây dựng một hệ thống thuế đồng bộ, có cơ cấu bền vững, bảo đảm nhu cầu chi tiêu cần thiết, hợp lý của ngân sách nhà nước. Trong các chương trình, dự án hoạt động sản xuất kinh doanh cần gắn chặt với triển khai các cấu phần về thực hiện các mục tiêu xã hội, nhằm bảo đảm phát triển kinh tế đi đôi với giải quyết các vấn đề xã hội.

Ba là, xây dựng hệ thống chính sách an sinh xã hội đa tầng, bao trùm, bền vững và xác định rõ vai trò trách nhiệm các chủ thể tham gia thực hiện. Cần tiếp tục hoàn thiện mô hình an sinh đa tầng: Tầng một - khuyến khích mọi người dân tham gia lao động, tạo ra thu nhập, của cải để nuôi dưỡng bản thân và gia đình, góp phần phát triển xã hội chung. Tầng hai - là tầng phòng ngừa trong trường hợp người dân rời khỏi tầng

một (hết thời gian lao động hoặc bị tai nạn, khuyết tật không thể tiếp tục lao động) sẽ được tầng này bảo vệ. Tầng ba là tầng lưới cuối cùng bảo vệ người dân khi rơi khỏi tầng một và hai. Trong ba tầng này, vai trò, trách nhiệm tham gia, đóng góp và thụ hưởng của Nhà nước, doanh nghiệp, các tổ chức và người dân trong hệ thống được xác lập theo xu hướng tiến bộ bảo đảm hài hoà lợi ích và quyền công dân. Với việc lồng ghép các mục tiêu xã hội vào các chương trình, kế hoạch, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội cần được tăng cường để phát huy tốt hơn sự tham gia của người dân, doanh nghiệp và các đối tượng chính sách xã hội. Trên cơ sở mô hình hệ thống an sinh xã hội cần cơ cấu lại nguồn lực bảo đảm ASXH theo hướng:

- i) Tăng đầu tư của Nhà nước cho chính sách, chương trình bảo đảm an sinh xã hội (ASXH) với quan điểm đầu tư cho ASXH là đầu tư cho phát triển và giữ vai trò nòng cốt;
- ii) Cơ cấu lại các thông số đóng - hưởng BHXH, BHTN đảm bảo quỹ bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm tự nguyện (BHTN) cân đối vững chắc trong dài hạn (về mức đóng, mức hưởng, thời gian đóng, công thức tính lương hưu, tuổi nghỉ hưu, chi phí quản lý, đầu tư phát triển quỹ...);
- iii) Phát triển mở rộng các quỹ ASXH (Quỹ đền ơn đáp nghĩa, quỹ tình thương, quỹ hỗ trợ khẩn cấp...) với sự đóng góp của doanh nghiệp, tổ chức, người dân, công đồng và quốc tế theo quy định của pháp luật.

Bốn là, hoàn thiện cơ chế, chính sách và đa dạng hóa hình thức huy động. Đây là giải pháp tác động trực tiếp đến việc huy động các nguồn lực cho thực hiện các mục tiêu xã hội. Cơ chế chính sách phải hướng đến huy động nguồn lực nhà nước, doanh nghiệp và người dân, trong đó nguồn ngân sách nhà nước giữ vai trò dẫn dắt, tạo động

lực. Cần bảo đảm tỷ lệ ngân sách chi cho các mục tiêu xã hội. Bên cạnh đó cần tập trung vào hoàn thiện cơ chế huy động nguồn lực tài chính thông qua ngân hàng chính sách xã hội. rà soát sửa đổi, bổ sung, ban hành cơ chế, chính sách nhằm tạo hành lang pháp lý cho hoạt động huy động vốn của Ngân hàng Chính sách xã hội trên cơ sở sửa đổi, bổ sung một số nội dung quy định của pháp luật về tập trung huy động vốn cho tín dụng chính sách xã hội, chẳng hạn kéo dài thời hạn cho vay, mở rộng hơn đối tượng vay vốn, cho vay các hộ có mức sống trung bình. Đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động tín dụng chính sách xã hội, nâng cao vai trò, trách nhiệm cấp ủy, chính quyền địa phương các cấp, các tổ chức chính trị - xã hội. Chính quyền địa phương các cấp tiếp tục hỗ trợ về nguồn lực, cơ sở vật chất, địa điểm, trang thiết bị, phương tiện làm việc nhằm nâng cao năng lực hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội. Ngoài huy động qua ngân hàng, trên cơ sở quy định của pháp luật, đa dạng hoá các hoạt động huy động, chẳng hạn cùng với huy động đóng góp tiền qua các Quỹ (được hình thành phù hợp với quy định pháp luật), là việc huy động qua thực hiện các chương trình, dự án, nhất là với nguồn lực từ nước ngoài. Bên cạnh đó, việc đóng góp hiện vật và công sức, phổ biến cách thức, mô hình làm ăn... cũng cần được huy động, nhất là với các hoạt động từ thiện nhằm bảo đảm cuộc sống và tạo sinh kế cho người dân. Việc huy động nguồn lực trên tinh thần tự nguyện, vừa sức dân tránh huy động chồng chéo (một người ủng hộ nhiều nơi).

Năm là, xây dựng điển hình, mô hình huy động nguồn lực và công tác biểu dương, khen thưởng. Mặt trận Tổ quốc các cấp và các tổ chức chính trị - xã hội cần

phát động phong trào và lựa chọn những cá nhân, gia đình, dòng họ, tổ chức, doanh nghiệp trên các địa phương cả nước đã tham gia tích cực, chủ động trong các hoạt động huy động nguồn lực cho thực hiện các chính sách xã hội và có hoạt động tôn vinh, khen thưởng. Biến các hoạt động huy động trở thành hoạt động tự nguyện và xem như trách nhiệm chung của xã hội. Nhân rộng các điển hình và mô hình huy động có hiệu quả; hướng dẫn hình thành các quỹ tương trợ phù hợp với quy định pháp luật để mỗi cá nhân cũng như từng cộng đồng phát huy tinh thần tự an sinh và cùng chung tay giải quyết các vấn đề xã hội tại địa phương, tổ chức nơi mình sinh sống và hoạt động. Từ đó tạo môi trường sống lành mạnh, bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Trong quá trình thực hiện cần phát huy rộng rãi quyền làm chủ và vai trò chủ thể của người dân, thực hiện tốt, có hiệu quả phương châm “*dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng*”. Sự công khai minh bạch trong quá trình triển khai thực hiện chính sách là một trong những yếu tố quan trọng để huy động các nguồn lực trong nhân dân, kể cả nguồn lực vật chất (tiền, vật liệu xây dựng, trang thiết bị...) và nguồn lực tinh thần (sự đồng tâm, đoàn kết ủng hộ các chủ trương, chính sách).

Sáu là, đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong thực hiện chính sách xã hội. Thông qua hợp tác quốc tế không chỉ học tập kinh nghiệm trong thực hiện chính sách xã hội nói chung, kinh nghiệm huy động nguồn lực nói riêng mà đây chính là một trong những kênh có thể huy động nguồn lực rất quan trọng cho thực hiện các mục tiêu chính sách xã hội. Thực tế trong những năm đổi mới, với đường lối tích cực, chủ động hội nhập sâu, rộng,

toàn diện, chúng ta đã tranh thủ được sự ủng hộ của các quốc gia, tổ chức và cá nhân từ nước ngoài. Đó là những nguồn lực thông qua ODA hay viện trợ, trợ giúp trực tiếp cho giải quyết các vấn đề xã hội, đồng thời đó còn là những nguồn lực cho phát triển sản xuất kinh doanh, qua đó tạo cơ sở cho gia tăng nguồn thu ngân sách nhà nước đầu tư cho các mục tiêu chính sách xã hội và mở rộng phúc lợi của các doanh nghiệp góp phần bảo đảm cuộc sống cho người lao động.

Trong hợp tác quốc tế giải quyết các vấn đề xã hội, cùng với tranh thủ các nguồn lực từ bên ngoài, Việt Nam cũng cần tuân theo điều kiện cụ thể, tích cực đóng góp và giải quyết các vấn đề xã hội của các quốc gia, qua đó thể hiện trách nhiệm và tạo môi trường hoà bình, ổn định cho sự phát triển chung, vừa bảo đảm an ninh, an toàn cho Việt Nam cũng như của các quốc gia bè bạn trên thế giới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Văn kiện Đảng toàn tập (2007), tập 55, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội
2. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII (2021), tập 1, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
3. Quyết định số 90/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, ngày 18/1/2022, phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.
4. Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/1/2022, phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.
5. PGS.TS. Vũ Văn Hà: *Gắn kết chặt chẽ chính sách kinh tế với chính sách xã hội trong quá trình phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*, truy cập ngày 8/10/2022 tại: <https://hdll.vn/>
6. Minh Hiệp: *Tập trung huy động nguồn lực để thực hiện có hiệu quả tín dụng chính sách xã hội*, truy cập 29/12/2022 tại: hcmcpv.org.vn.